

Phê bình sách Đạo Sống Việt: *Cuốn Sách Của Những Con Người Dân Tộc*

Hoàng Đạo Thế Kiệt

Cuốn Đạo Sống Việt đã được xuất bản ít lâu nay và đã được nhiều người giới thiệu đến bạn đọc. Tôi may mắn được một vị trong nhóm chủ trương Tủ Sách Việt Thường, bạn Thường Nhượng Thủy, gửi tặng một cuốn. Tôi đã nghiền ngẫm cuốn sách trong một thời gian khá lâu và nhận thấy đây là cuốn sách đáng quý nên muốn viết ít dòng để cùng những vị đi trước góp phần nói thêm về nội dung cuốn sách này.

Cuốn Đạo Sống Việt do Ngày Nay tại Houston-TX, xuất bản vào năm 2000. sách khổ nhỏ, dày trên 500 trang, bìa sách minh họa quang cảnh sinh hoạt thường ngày của dân Việt trước một đình làng (?), và in rất đẹp.

Mở đầu cuốn sách là phần trình bày về Biểu Tượng của Tủ Sách Việt Thường. Biểu tượng này, theo giải thích, là ... “một cố gắng biểu hiện các yếu tính đặc trưng từ nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời của tộc Việt”. Đó là một hình Tròn, bên trong có một hình Vuông, một hình Tam Giác và nước cùng hai nhánh lúa. Ba hình Tròn, Tam Giác, Vuông tượng trưng cho Trời – Người – Đất, thể hiện “mối liên hệ khăng khít, đồng cảm và đồng đẳng giữa Trời – Người – Đất.”

Tiếp theo là bài về Chủ Trương của Tủ Sách Việt Thường. Ở đây, nhóm chủ trương viết: “Đã đến lúc người Việt Nam trở về với chính mình... đề thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức nhằm hóa giải mọi tâm lý nô lệ ý thức hệ và tư tưởng ngoại lai đã và đang quy định những hành vi và suy tư của mình ...” bằng cách “...tự phát động một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức...”, gạt bỏ “... những lớp sơn văn hóa ngoại lai..., “ không theo Tây - Mỹ ..., không làm tay sai cho Nga - Tàu ...”, “... thực hiện cuộc cách mạng bản thân hầu thăng hoa cuộc sống và con người với định hướng con người tương thông với vũ trụ: hòa cùng vũ trụ”, nhằm “phục hoạt và phát huy cốt lõi Đạo Sống Việt.”

Theo nhóm chủ trương thì: “... dân tộc mình chỉ có thể vượt lên ngang tầm với thời đại về khoa học kỹ thuật và vật chất khi đặt cơ sở phát triển đất nước trên nền tảng của bản sắc dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay”. Nhóm chủ trương cũng xác định rằng “Trở về nguồn, không đồng nghĩa với hoài cổ hay trở về với những truyền thống lạc hậu, mà là trở về với chính mình, trở về với bản sắc hiếu hòa, với tinh thần nhân bản, nhân chủ và dân chủ, với nếp sống hài hòa: hòa cả làng.”

Đi vào phần chính cuốn sách, ta thấy gồm 16 bài do 5 tác giả viết, trong số đó tác giả Vĩnh Như viết riêng 12 bài và viết chung với Hoài Văn Tử và Huệ Tâm hai bài. Hai bài còn lại do các tác giả Thường Nhượng Thủy và Đào Văn Dương viết.

Khởi đầu là bài Tổng Quan Về Vai Trò của Nền Văn Hóa Việt của tác giả Thường Nhượng Thủy. Bài này đề cập đến hậu quả của “xu thế toàn cầu hóa” qua “kinh tế thị trường” và mạng lưới tin học” đang “... san bằng hoặc xuyên thủng biên giới giữa các quốc gia. Phải chăng vì thế mà văn hóa cũng như bản sắc dân tộc sẽ dần dần trở thành các phế tích trưng bày trong viện bảo tàng của ngôi làng hoàn vũ.”

Tác giả cho rằng “... chính sách toàn cầu hóa là hậu thân của khái niệm văn minh hoàn vũ” và từng là “nỗi oan khiên của dân tộc chủ nghĩa” mà giáo sư Samuel P. Huntington đã từng coi là “sản phẩm đặc trưng của văn minh Tây phương... được sử dụng để biện minh cho hành động bành trướng chính trị và chế ngự kinh tế của người phương Tây.”

Về phía tả, tác giả cho biết “Marx xem chủ nghĩa dân tộc như là hệ quả tất yếu của chủ nghĩa tư bản và chỉ tồn tại qua một giai đoạn phù du... để rồi sẽ bị thay thế bởi xã hội chủ nghĩa quốc tế. Trớ trêu thay, lịch sử lại minh chứng chủ nghĩa Marx đã chỉ là một giai đoạn phù du của chủ nghĩa dân tộc tại Liên Xô, Trung Quốc cũng như Việt Nam.”

Theo tác giả: “Chủ nghĩa dân tộc chứa hồn dân tộc, dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc, nên có tính huyền nhiệm và hấp lực như tôn giáo.... Một khi đánh mất đi ý thức dân tộc, không còn hồn dân tộc, con người sẽ giống như một loài cây bị tróc rễ, bật gốc.

Chính vì ý thức được yếu tố văn hóa dân tộc mà năm 1986, Đại Hội Đảng Liên Hiệp Quốc đã quyết định phát động Thập Kỷ Phát Triển Văn Hóa Thế Giới mà một trong các mục đích là “... khẳng định và đề cao các bản sắc văn hóa dân tộc.” “Vậy thì, theo tác giả việc trở về nguồn để tìm lại bản sắc, nội lực của nếp sống dân tộc - Đạo Sống Việt - xem ra chẳng phải là chuyện lắm chằm và lạc hậu trong lúc ngôi làng hoàn vũ đang trên xu thế hình thành.”

Từ sự minh giải trên, tác giả đi xa hơn nữa: “Nhưng liệu thực sự có “văn hóa bản sắc Việt” không mà tìm? “Để trả lời câu hỏi này, tác giả đã viện dẫn hàng loạt những bằng cứ để chứng minh rằng quả thật tộc Việt đã có một nền văn minh lâu đời, lâu đời hơn và ưu việt hơn cả nền văn minh Hoa-Hán. Trong khi tộc Việt (Bách Việt) đã sống định cư định canh, trồng lúa nước tại vùng đất phía Nam sông Dương Tử thì tộc Hoa vẫn còn sông đời du mục lang thang ở các vùng Tây Bắc sông Hoàng Hà và sa mạc Gobi. Về sau, họ đánh chiếm các vùng phía Nam sông Dương Tử, thừa hưởng một di sản văn hóa lớn lao mang nhiều ảnh hưởng của nền văn minh nông nghiệp Bách Việt.

Theo Louise Lavathes thì “... nhà Thương đã thâm hóa từ tộc Di (tức Nam Di - Bách Việt) kỹ thuật trồng lúa nước, dẫn thủy nhập điền, đồ sơn mài, đồ tre, vải làm bằng vỏ cây, chế tạo thuyền dài và nghệ thuật khắc, mài dũa ngọc.” Còn học giả Joseph Needham thì “... đã liệt kê 26 truyền thống mang đặc trưng của nền văn hóa Hòa Bình đã được người Việt cổ du nhập vào đại lục Trung Quốc theo vết chân di cư của mình.” và “Qua những căn cứ trên các di chỉ văn hóa khai quật được cũng như các tài liệu tín sử, giai đoạn hình thành nền văn minh Trung Quốc đã được xây dựng bởi các nền văn hóa du mục từ phương Bắc và Tây Bắc (Thương + Chu) với ảnh hưởng của văn hóa trồng lúa nước của Bách Việt từ phương Nam.”

Tuy nhiên, dù sự đóng góp lớn lao của người phương Nam vào nền văn minh Trung Quốc đã hiển nhiên, đúng như Edward H. Schaffer đã viết: “... Thế nhưng thật khó khăn để họ chấp nhận hoặc ngay cả ý thức được rằng họ đã vay mượn tư tưởng từ ngoại nhân. Ấy vậy mà thực tế đã là như thế đó.”

Từ các dẫn chứng trên, tác giả khẳng định có một dân tộc Việt khác hẳn Hoa tộc về cả nguồn gốc chủng loại cũng như văn minh... “Không những thế.” Nên văn minh đặc thù mà cha ông chúng ta kiên định phát triển”, theo Huckers, là một nền văn minh cổ hoá nền văn minh Trung Quốc và đã có trước và góp phần vào việc hình thành nền văn minh Hoa-Hạ từ thuở sơ khai... “

Sau khi dẫn chứng về sự hiện hữu của một nền văn minh Việt, tác giả đã khai triển thêm rằng: “Nền văn hóa trồng lúa nước ấy là một thể nghiệm sống của sự hòa điệu giữa Trời - Người - Đất, trong đó sức cần lao cũng như tri thức thực nghiệm của con người được ứng dụng và điều hợp một cách sáng tạo... Mỗi liên hệ giữa Trời - Người - Đất thật gần gũi, đồng cảm và đồng đẳng. Nền văn hóa trồng lúa nước là một thể nghiệm cụ thể của triết lý Tam Tài mà Hán Nho sau này chỉ phản ánh cái “thể” và cố tình bóp méo cái “dụng”?”

Cũng chính từ nền văn hóa nông nghiệp đó mà “ý thức cộng đồng từ đó manh nha, đặt cơ sở phát triển cho ý thức dân tộc vốn đã nhen nhúm trong sự gắn bó của nông dân với ruộng đất và làng mạc, cũng như mối liên hệ thiêng liêng nối liền các thế hệ qua tục thờ cúng tổ tiên.”

Ngoài ra, tác giả còn cho rằng, cũng qua nền văn hóa trồng lúa nước mà nông dân Việt đã quán chiếu được một hiện tượng rất phổ biến trong thiên nhiên: “...đó là mọi sự vật trên đời hầu hết hợp thành từng cặp bổ túc và bổ nghĩa cho nhau qua sự tương phản và nếu được kết hợp, chúng sẽ chuyển hóa thành một thể tổng hợp mới hài hòa trọn vẹn, tỉ như sáng-tối, nam-nữ...” và từ đó “...nông dân Việt rút ra được quy luật: muốn đạt được sự hài hòa thì phải kết hợp (thống nhất) các mâu thuẫn, dị biệt (đối lập)” mà “... muốn đạt được hài hòa phải có sự chấp nhận dị biệt trong bình đẳng, tương thân và tương tác.”

Theo tác giả, nhân sinh quan trên bắt nguồn từ vai trò bình đẳng giữa con người với trời đất, và “Vì thế, cốt lõi của nhân sinh quan này là Nhân Chủ: trí tuệ, tình người và sức lực con người là chủ yếu.”

Ngoài những đặc tính phổ quát của nền văn hóa trồng lúa nước “... nền văn hóa Việt còn mang dấu ấn do môi trường cá biệt của địa dư đặc thù, cộng thêm sắc thái văn hóa biển, khai phóng và dung hợp trong quá trình giao lưu văn hóa khu vực ...” Sự quy chiếu của hai nền văn hóa này làm nổi bật bản chất “nước” trong môi trường sinh sống của tổ tiên chúng ta ... giúp cha ông chúng ta nắm bắt được các yếu tính của nước và thể nghiệm chúng trong cuộc sống của dân tộc ... sự quán chiếu quan trọng nhất của cha ông chúng ta về yếu tính của nước là tính sinh hóa và tự sinh hóa của mọi loài, tự thân của nước chứa đựng các thuộc tính mâu thuẫn chỉ thấy ở các cặp đôi: cương – nhu, cường – nhược, tĩnh – động, thiện – ác ...” Rồi qua đó, “... cha ông chúng ta đã chuyển ý niệm quốc gia từ cặp đôi đất – nước thành NƯỚC. Đây là một thể hiện rõ rệt sự chuyển biến từ ý niệm nhị nguyên sang nhất nguyên.”

Chính từ yếu tính Nước đó, tác giả luận rằng lịch sử dựng nước của dân Việt đã gắn liền với sứ mệnh giữ nước – qua cấu trúc làng xã – trong khi tộc Hoa lúc ấy còn chưa có “khái niệm công dân” và “tinh thần dân tộc” nên mới bị các tộc thiểu số ở Tây Bắc tiến chiếm. do đó, “... làng xã Việt Nam là một định chế đặc thù của nền văn hóa trồng lúa nước lâu đời, phát sinh từ nhu cầu gắn bó của nông dân với đất đai, cộng đồng và đất nước.”

Sau khi biện minh về sự hiện hữu và ưu việt của nền văn hóa Việt, tác giả kết luận: “Nền văn hóa Việt đó đặt cơ sở trên nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời (Nhân Chủ, Đối Lập, Thống Nhất, Thăng Hoa – Hòa Minh Với Vũ Trụ), cộng thêm những nét đặc trưng của địa bàn sinh sống (yếu tính nước) và quá trình chống ngoại xâm trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Tất cả các nét đặc trưng kể trên đã kết thành Đạo Sống Việt, và chính đạo sống này đã định hướng cho cha ông chúng ta trong suốt hơn 4.000 năm lịch sử.”

Sau hết, tác giả cho rằng “vì mưu đồ thâm hiểm của các đế chế du mục Bắc phương muốn xóa bỏ nền văn hóa dân tộc Việt, đồng hóa dân tộc Việt, biến nước ta thành một đô thị của họ - cha ông chúng ta đã phải bảo lưu Đạo Sống Việt bằng cách mã hóa hoặc ngụy trang các yếu tính của đạo sống ấy dưới dạng ca dao, tục ngữ hoặc huyền thoại, thần thoại ...” Và công việc của chúng ta bây giờ là “... phải giải mã các ẩn dụ, biểu tượng để tìm ra các thông điệp đích thực của tiền nhân.” Tác giả nói đây là một việc làm rất khó, và còn khó hơn nữa khi phải cạo bỏ đi bao nhiêu lớp sơn văn hóa, tín ngưỡng ngoại lai đã phủ lên văn hóa Việt trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc.

Tác giả kết thúc bài khảo luận bằng nhận định của các nhà thức giả hiện đại Tây Phương: “...chúng ta đang bước vào kỷ nguyên Thái Bình Dương ... và kỷ nguyên này có thể tiên báo một sự kiện vô tiền khoáng hậu: không phải là một trật tự thế giới mới mà là một nền văn hóa thế giới mới.”

Bài thứ hai là Dịch và Lý Tắc Tiên – Rõng do tác giả Đào Văn Dương viết.

Trong bài này, sau khi nói qua về ý nghĩa của Dịch, tác giả đã đề cập đến những quy luật chính của Dịch, về sự vận động và phát triển của vũ trụ, của xã hội nhân loại và của xã hội dân tộc mà trong đó có hai quy luật quan trọng nhất: đối lập tiêu diệt (hay mâu thuẫn hủy diệt), tức mạnh được yếu thua và quy luật đối lập thống nhất, tức tác động hai chiều, âm dương kết hợp, mưa nắng thuận hòa.

Tác giả cũng trình bày về cái “Thê” và cái “Dụng” của Dịch, mà theo ông thì: “...Thê của Dịch là một, nhưng Dụng của Dịch thì vô cùng.” Một bên bất biến, một bên thì biến hóa vô tận. Tiếp theo, tác giả nói về cái dụng của Dịch tại Tây phương nơi mà vì thiếu ý niệm về Dịch nên đã có những chủ thuyết gieo rắc sát máu, như Phát Xít, Cộng Sản, Tư Bản... và hiện nay các nhà lãnh đạo khối tư bản dùng những chiêu bài nhân đạo giả tạo để che lấp âm mưu khống chế toàn cầu về kinh tế.

Còn tại Trung Hoa, vì ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hóa du canh du cư, sinh sống bằng cách săn bắn, chém giết thú vật, nên cũng có truyền thống hiếu chiến, hay đi xâm lăng đánh chiếm nước người. Ông cho rằng: họ đã thực hiện phần dụng của Dịch theo tác động một chiều với luật mạnh được yếu thua để nô lệ hóa các nước yếu (đối lập tiêu diệt). Nhưng tác giả nói phần Dụng của Dịch Việt thì khác hẳn. Vì sống định cư định canh, trồng lúa nước, nên tộc Việt đã khám phá ra rằng, muốn thành công về trồng trọt cây cấy, bắt buộc người ta phải biết dựa theo thời tiết, mưa nắng điều hòa; phải biết phân công, đồng lao cộng tác, nghĩa là phải vận dụng các quy luật: phân công hợp tác tác động hai chiều và đối lập thống nhất, thay vì dùng mạnh thắng yếu, đối lập tiêu diệt Từ nhận định đó, tác giả đã luận rằng ba quy luật trên đã được minh họa trong cuộc hôn nhân giữa Âu Cơ, biểu tượng cho nhân ái, nhu thuận và Lạc Long Quân biểu tượng cho sức mạnh và tài năng quán thế. Ông cho đó là một sự dung hợp đẹp đẽ, một tác động hai chiều, một đối lập thống nhất và một phân công hợp tác mà tác giả gọi là “Lý Tắc Tiên Rõng”. Lý tắc này chính là nền tảng của nền triết Việt, của đạo sống Việt và của đời sống thanh bình, an vui của dân Việt. Do đó ông kết luận: chúng ta cần phải vận dụng lại tư tưởng Việt, phát huy văn hóa Việt, trang bị lại tinh thần Việt cho mọi tầng lớp dân chúng, thì dân Việt mới giải tỏa được những bế tắc hiện tại của lịch sử dân tộc.

Ngoài hai bài có tính cách dẫn đạo nói trên, hầu hết những bài còn lại trong cuốn “Đạo Sống Việt” đều do tác giả Vĩnh Như viết. Nội dung các bài này có mục tiêu rõ rệt là giải minh, hỗ trợ, cho chủ trương của Tủ Sách Việt Thường, đồng thời cũng là những chủ đề đã nêu trong hai

bài trước, nhất là bài đầu, qua các ca dao tục ngữ và các câu chuyện thần thoại, như Gậy-Thần Sách-Uớc, Bánh Dày-Bánh Chung, Phù Đổng Thiên Vương, Thần Kim Quy v.v....” tác giả đã mã hóa, kiên trì nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần những ý nghĩa tiềm ẩn trong đó, mà tựu trung là những lời hay ý đẹp của tiên nhân. Tác giả còn cố công khai phá những tư tưởng cao xa, những triết lý siêu việt, gói gém trong những câu chuyện thật đơn sơ, mộc mạc của cha ông ta, để truyền lại cho con cháu đời sau mà không bị quân giặc tiêu hủy. Có lẽ điểm quan trọng hơn cả là việc tác giả đã triển khai con đường nhân chủ của cha ông chúng ta vạch ra. Trong bài “Những Nét Đặc Thù của Đạo Sống Việt” tác giả đã luận rằng tiên nhân Việt biết thần thánh hóa cha mẹ thành thần tổ kép Tiên-Rồng để làm biểu tượng cho triết lý sống lấy con người làm gốc cho mọi sinh hoạt, nghĩa là đã vạch hướng đi cho con cháu mình vào con đường nhân chủ: đầu đội trời chân đạp đất. Tác giả cho rằng dân Việt và nhân loại ngày nay còn chìm đắm trong vật chất hoặc siêu hình, mê tín dị đoan chỉ vì con người chưa tự thắng để làm chủ bản thân. Nhưng qua biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng, tiên nhân Việt tự xa xưa đã nhắc gởi cho người đời phải biết tạo điều kiện thuận lợi để nhân tính làm chủ tư duy và hành động hầu thăng hoa như Tiên và Rồng để bước vào con đường nhân chủ.

Giải thích rõ hơn nữa, tác giả viết: một khi con người khám phá và thấu hiểu được luật tắc thiên nhiên rồi vận dụng luật tắc này vào nhân sinh thì sống chết, đau khổ - hạnh phúc, niết bàn - địa ngục... ở nơi con người chứ không nằm trong thiên mệnh hay bất cứ nơi nào khác. Con người là chủ nhân của chính mình, không có một thực thể nào khác từ trên cao định đoạt số phận con người. Không có con người thì không có gì cả: không có xã hội loài người, không có văn hóa, kinh tế, chính trị, giáo dục... và cũng không có tôn giáo cả vũ trụ bao la này nếu không có con người thì có cũng như không, có cũng thế mà không cũng vậy. Cũng trong đường hướng đó, tác giả nhận định rằng thực tại là tiêu chuẩn của chân lý, và tục thờ cúng tổ tiên là tinh thần nhân bản và dân chủ. Còn về cốt lõi của đạo sống Việt tác giả nói có bốn đặc tính là: nhân bản, không chấp, dung hóa và đối lập thống nhất. Sau cùng để kết luận tác giả đã nêu ra hướng đi của dân tộc là chuyển hóa tâm thức để thực hiện cuộc dung hóa tư tưởng.

Bài kế tiếp của tác giả Vĩnh Như nhan đề: Hiện tượng tiêu cực trong xã hội Việt Nam ngày nay. Bài này bàn về những thói hư tật xấu của người dân Việt. Sau khi luận về sự tốt xấu, yêu ghét, về bản tính của con người và về phương thức giáo dục điều hay tránh điều dở, tác giả đã viết: Cha ông chúng ta không đề cao cái hay, cái đẹp (nhân tính) và cũng không lên án cái thấp hèn, thói hư, tật xấu (thú tính), mà chỉ nêu lên một thực trạng đồng thời nhấn mạnh sự thăng hoa như Tiên (người thăng hoa) và Rồng (rắn thăng hoa), và khẳng định: bất cứ người nào tạo được điều kiện thuận lợi để nhân tính làm chủ tư duy và hành động thì xứng đáng là con người đích thực. Kế tiếp tác giả đã đưa ra một đoạn viết về tâm lý bệnh của cuốn “Những Nhược Điểm Của Người Việt” sắp xuất bản trong đó nói rằng: Chúng ta phải gột rửa tâm lý bệnh về cả ba mặt: Tính, Tình và Chí. Về Tính, như tính kiêu kỳ trường giả, mơ mộng, bừa bãi, phong kiến... Về Tình, như tâm lý bệnh đối với vũ trụ, nhân loại, tổ quốc, dân tộc, tổ tiên, gia đình, tha nhân, tông Việt, bản thân, cuộc sống, thời gian... trong đó có hàng trăm bệnh như bệnh sợ hãi vũ trụ nên sinh ra mê tín dị đoan; bệnh thù ghét, xu nịnh nhân loại; bệnh độc tôn hay khinh thường dân tộc, bệnh khinh miệt hay xu nịnh tổ tiên; bệnh thù hận hay thù lợi cho gia đình; bệnh khinh người, ghét việc nhỏ, bệnh tự kiêu, ích kỷ, thiên cận, tham sống sợ chết. Còn về Chí thì cần phải gột rửa các tâm lý: lòng bông, viễn vông, tự mãn. Bàn về nguyên nhân dẫn đến thói hư tật xấu của người Việt hiện nay, tác giả cho rằng chủ yếu là do hoàn cảnh lịch sử khắc nghiệt. Gần 500 năm loạn lạc phân tranh, rồi lại bị Pháp đô hộ, và gần đây là cuộc chiến tranh chống Pháp, chiến tranh Quốc Công khốc liệt... đã làm cho hơn hai triệu người phải rời bỏ quê hương, và cho đến nay một số không nhỏ người Việt nhất là

những người thuộc phe Cộng Sản, vẫn tiếp tục gieo hận thù vào lòng giới trẻ về cuộc chiến Quốc Cộng một mất một còn, bắt chấp quyền lợi và hạnh phúc của đại đa số người dân nước Việt. Hoàn cảnh khắc nghiệt nói trên đã đưa đến các bệnh như: độc đoán, háo danh, đố kỵ, thù dai, chia rẽ, bè phái, thủ đoạn, gian dối, đa nghi, vọng ngoại v.v... Tuy nhiên tác giả cho đây chỉ là hiện tượng chứ không phải bản chất. Vì thế, sứ mệnh khẩn thiết của mọi người dân Việt là thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là tự biết mình.

Như trên đã nói, cuốn “Đạo Sống Việt” có tất cả 16 bài, tổng cộng trên 500 trang, nên người viết chỉ xin lược duyệt qua một vài bài có tính cách đại diện. Phần còn lại xin được dành cho một vài cảm nghĩ và ý kiến thô thiển của người viết đối với cuốn “Đạo Sống Việt”. Trước hết là sự cảm phục sâu xa của người viết đối với các tác giả, về hai điểm: công trình sưu tập công phu và tinh thần dân tộc cao độ. Không có tinh thần dân tộc cao thì chắc đã không có công trình nghiên cứu công phu đó. Và không có công trình sưu tập, minh giải công phu đó thì chắc khó mà có tính cách thuyết phục. Dĩ nhiên tôi không nói là các tác giả đã làm được một việc hoàn hảo, đã trình bày được đầy đủ và thuyết phục được mọi người. Đây chỉ là một sự khởi đầu với đầy nhiệt tình. Chính quý vị đó cũng đã nói như vậy. Công trình lớn lao, quá lớn lao này, cần phải có sự góp sức của mọi người Việt yêu nước. Tôi chia sẻ nỗi ưu tư là niềm khát vọng của nhóm chủ trương. Thật ra thì việc tái tạo một nước Việt vốn có truyền thống vẻ vang này đã phải bắt đầu từ lâu rồi chứ không phải đợi đến bây giờ. Lý do chúng ta chưa làm được chỉ vì đất nước vẫn còn nằm trong tay những kẻ dã và đang hủy diệt nên văn hóa cổ truyền một cách triệt để nhất. Để thay thế bằng một nền văn hóa ngoại lai tệt hại nhất. Khi viết Đạo Sống Việt, hẳn nhóm chủ trương đã đề ra hai mục tiêu cần phải đi đến, là “chứng minh cho được rằng quả thật dân tộc Việt đã có một nền văn hóa riêng biệt, không những không thua kém nền văn hóa Trung Hoa mà còn có phần kiệt xuất hơn”, và thuyết phục được độc giả về khả năng, và do đó tham dự tích cực vào việc xây dựng lại một nền văn hóa có bản sắc Việt.

Về điểm thứ nhất, theo thiên ý, cuốn “Đạo Sống Việt” đã đạt được kết quả khả quan. Bởi vì về mặt khách quan, các bài viết đã có những dẫn chứng khả tín, qua những công trình nghiên cứu và khảo cổ của các nhân vật, các cơ quan quốc tế danh tiếng thực hiện, trong đó có cả người Trung Hoa. Còn về mặt chủ quan thì, là người Việt dân tộc, chắc chắn không ai có lý do gì để phi bác các dữ kiện đó. Nhưng cái khó không nằm ở đó, nó nằm ở chỗ làm sao thuyết phục được dư luận quốc tế, nhất là dân Trung Hoa, rằng nền văn hóa Trung Hoa ít ra cũng là một phần của tộc Việt, và nền văn hóa Việt phần nào đang ngự trị trên đất Trung Hoa. Thời gian quá lâu và khối khổng lồ của Trung Hoa đã đè nặng, in hằn lên tâm trí mọi người trên thế giới rằng văn hóa Trung Hoa đích thực là của họ, còn văn hóa của ta chỉ dập theo thôi, chứ không có bản sắc riêng, việc làm của ta bây giờ vì vậy chẳng khác nào giành lại một quý vật đã bị cướp mất và đã biến thể từ bao nhiêu ngàn năm nay. Đây là cái đau và cái khó của ta.

Về điểm thứ hai, là tìm cho đúng, và trưng ra cho được cái nền văn hóa có bản sắc đặc trưng Việt, để dựa vào đó mà xây dựng lại nền văn hóa của ta. thì theo thiên kiến, sự thành công mới ở mức đầu. Đây quả là một việc làm vô cùng khó khăn cả trên lý thuyết lẫn thực hành. Trên lý thuyết, như một phần đã nói ở trên, văn hóa ta và văn hóa Tàu có nhiều phần giống nhau, làm sao cho hai bên công nhận cái nào chính là của mình, hay ít ra, làm sao để xác định được là nền văn hóa Việt có gì khác biệt hơn của Tàu. Còn không thì e rằng phải lâu lắm mọi người, đặc biệt là người Trung Hoa, mới công nhận rằng ta quả có một nền văn hóa riêng biệt, và nhất là khi mọi người nhìn vào đó sẽ nhìn nhận đó là văn hóa Việt chứ không phải văn hóa Hoa. Còn trên thực tế, vấn đề lại còn nan giải hơn nhiều, đây là những khó khăn tày trời. Ít ra là hai lý do: Lý do thứ nhất

là phải tìm cho ra, giải mã cho đúng, và dung hóa cho vừa, để đưa ra cho được, một nền văn hóa có bản sắc Việt thực sự. Việc làm này phải mất rất nhiều công, tốn rất nhiều thời gian và có thể phải trải qua nhiều va chạm hay có thể cả các xung đột lớn. Lý do thứ hai là đại bộ phận dân tộc ta hiện ở trong nước mà nước thì đang do một chính quyền Cộng Sản ngự trị, có một chủ trương đối nghịch hẳn với truyền thống dân tộc. Làm sao để vận động dân chúng tham dự vào công cuộc dựng lại một nền văn hóa có bản sắc Việt, nếu không giải trừ chế độ Cộng Sản? Hiển nhiên ở đây thì tinh thần dân tộc phải nhường ưu tiên cho tinh thần yêu nước, nếu nói theo sự phân tích của bài “Tổng Quan Về Vị Trí của Nền Văn Hóa Việt”.

Sau nữa xin có hai đề nghị với quý độc giả cùng nhóm Việt Thường.

Thứ nhất, vì đây là một công trình quá quan trọng và quá lớn lao nên cần phải có sự đóng góp của toàn thể dân tộc Việt, nhất là những thành phần có tinh thần dân-tộc-trí-thức-dấn-thân, mới hy vọng đặt được nền móng cho công việc này. Vì vậy tôi mạo muội kêu gọi mọi người tích cực tiếp tay với nhóm Việt Thường để tiến hành công việc.

Thứ hai, tôi nghĩ việc nghiên cứu nên làm trên cả hai mặt: mặt hay và mặt dở của nền văn hóa Việt (trồng lúa nước). Tôi muốn nói, khi dựng lại nền văn hóa của ta, nên làm sao để nền văn hóa ấy phải có khả năng vừa dựng nước vừa giữ nước. Bởi vì nhìn vào lịch sử trên 4000 năm thì ta thấy tuy ta văn minh không kém mà còn có phần hơn Trung Hoa, nhưng đã bị họ đánh chiếm nhiều phen, và đô hộ cả hơn nghìn năm. Thêm nữa, ngay trong khi độc lập nước ta cũng chỉ có một thời gian ngắn yên bình thịnh đạt (thời Lý, Trần, Lê), còn thì chiến tranh loạn lạc triền miên. Gần đây nhất, trong một thế giới đã khá văn minh mà dân mình vẫn còn có những kẻ đi theo chủ nghĩa ngoại lai cực kỳ độc hại, như chủ nghĩa Mác-Lê, gây bao nhiêu cảnh thảm thương cho dân tộc. Câu hỏi phải đặt ra là tại sao? Tại sao ta không giữ được nước, ngay cả khi còn là Bách Việt ở châu thổ sông Dương Tử? Tại sao một dân tộc hiếu hòa, lễ nghĩa này lại tiêu diệt nhau ghê tởm, tàn bạo như cuộc chiến của cộng sản Bắc Việt xâm lăng miền Nam gần đây? Và tại sao con người Việt Nam đến tận bây giờ vẫn còn nhiều nhược điểm, và lại là những nhược điểm nặng nề như cuốn Đạo Sống Việt nêu ra.

Và trong khi chờ đợi có những công trình biên soạn khác. tôi đề nghị khi tái bản cuốn ĐSV. Tủ Sách Việt Thường nên thêm một bảng niên đại về các biến cố lớn về văn hóa, để tiện so sánh. Chẳng hạn: khoảng năm nào thì ta đã có nền văn hóa trồng lúa nước. trong khi tộc Hoa vẫn còn là du mục; hoặc năm nào thì kinh Dịch của Trung Hoa ra đời, trong khi ý niệm về Dịch của ông cha ta đã có từ năm .v.v...

Mong rằng những ai hằng lưu tâm đến tương lai đất nước sẽ tìm đọc Đạo Sống Việt để tiếp tay cùng làm công việc vô cùng thiết yếu này. Được biết sách Đạo Sống Việt (ấn phí 20 đô la) có thể tìm mua ở các tiệm sách, hoặc đặt mua tại: Cao Hào Đức, PO. Box 720080 Houston, TX 77272, điện thoại số (281) 198-6967.

Hoàng Đạo – Thế Kiệt